TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2022/DS-PT
Ngày: 16-9-2022
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phố, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/TBTL-TA ngày 12 tháng 8 năm 2022, về "Tranh chấp về thừa kế tài sản"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 273/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt

Bị đơn:

- Chị **Nguyễn Thị Kim Đ**, sinh năm: 1970; Địa chỉ: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt

- Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm: 1960; Địa chỉ: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1962; địa chỉ: khu phố M, phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt

- Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt

- Anh **Nguyễn Ngọc Nh**, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt

- Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố H, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt

- Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1964; địa chỉ: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt

- **Phòng công chứng số M Tây Ninh**; Địa chỉ: khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Văn phòng công chứng Tr**; Địa chỉ: khu phố M, phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Do có kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Th trình bày:

Cha mẹ anh là cụ Nguyễn Văn Sữu, sinh năm 1940 (chết ngày 31-01-2021) và cụ Nguyễn Thị Rớt sinh năm 1937 (chết ngày 20-11-2009) có tất cả 11 người con là Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Sĩ (chết ngày 02-5-2004 không có vợ con), Nguyễn Thị Kim Đ, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Mười Một (chết lúc 03 tháng tuổi) và Nguyễn Thị Mười Hai (chết lúc 01 tháng tuổi), chưa có khai sinh. Ngoài ra, cha mẹ anh không có người con riêng hay con nuôi nào khác.Cha mẹ chết không để lại di chúc và cũng không có chia tài sản cho ai.

Khi còn sống cha mẹ anh tạo lập được phần đất ngang khoảng 12m x dài 30m tại khu phố H, phường H, thành phố T.Trên đất có 01 căn nhà tường cấp 4 do cha anh xây ngang 6m x dài 30m, không nhớ năm xây nhưng khoảng 11 năm, thời điểm xây nhà mẹ bệnh không có chỗ ở nên về sống với anh Hùng và chết làm đám tại nhà anh Hùng và 01 căn nhà cây kế bên nhà tường ngang 6m x dài 30 m. Ngoài nhà đất này cha mẹ anh không còn tài sản nào khác.

Đất này hiện nay chị Đ và chị C đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mỗi người một phần ngang 6m. Phần có nhà tường do chị C quản lý, còn phần đất có nhà cây do chị Đ quản lý.

Đối với phần đất của chị Đ, trước đây chị Đ cho rằng cha anh bán cho chị và có kêu tất cả các anh em về ký tên nhưng anh xác định không có ký bất kỳ giấy tờ gì, vì thời điểm này anh đi làm và sống bên gia đình vợ. Riêng phần đất của chị C nói cha làm giấy cho chị C nhưng không ai biết.

Ngoài ra, trên phần đất chị Đ quản lý hiện giờ, năm 2001 anh đi làm đưa 2,5 lượng vàng 24 kr để cha kêu thợ xây hàng rào. Sau khi xây hàng rào xong, do nhà ngập nước nên mới đưa tiếp cho cha 2,5 lượng vàng 24 kr nữa để đổ đất và đổ bê tông nâng nền nhà lên. Khi xây hàng rào cha anh có thuê nhân công trong đó có

ông Đức chồng bà Anh cùng làm. Như vậy tổng số vàng anh đã bỏ ra xây tường rào và nâng nền là 05 lượng vàng 24 kr.

Trước đây, anh, chị Huệ, anh Nhàn cùng chị C sống chung với cha, nhưng nay chị C, chị Đ không cho các anh em anh sống trên nhà đất này nữa. Năm 2020 chị Đ kêu người bán đất nên làm đơn khởi kiện.

Do đó, anh yêu cầu chị C, chị Đ chia di sản thừa kế là nhà đất của cha mẹ chết để lại cho 08 anh em mỗi người 01 phần trị giá bằng tiền theo quy định của pháp luật.

Đối với số vàng 05 lượng 24 kr anh yêu cầu anh em ai hưởng thừa kế thì có trách nhiệm trả lại cho anh trị giá bằng tiền nay anh xin rút lại yêu cầu này.

Anh Th xác định chữ ký Thanh và họ tên Nguyễn Ngọc Th trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 giữa cha anh với chị Đ do phòng công chứng số 1 Tây Ninh chứng thực anh không có ký. Riêng chữ ký Thanh và họ tên Nguyễn Ngọc Th trong Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16-7-2014 giữa cha anh với chị C do văn phòng công chứng Tây Ninh lập không phải chữ ký và chữ viết của anh. Do đó, anh yêu cầu giám định chữ ký chữ ký và chữ viết trên đồng thời tuyên vô hiệu đối với hai văn bản trên.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ trình bày:*Về Cha mẹ anh em đúng như anh Th đã khai. Hai người em thứ Mười Một chết lúc 03 tháng tuổi và thứ Mười Hai (chết lúc 01 tháng tuổi) nên mẹ đặt cùng tên là Nguyễn Thị Kim Lan. Cha mẹ bà không có người con riêng hay con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc nhà đất tranh chấp là của cha mẹ bà, trên đất có căn nhà gỗ do cha mẹ làm sẵn. Sau khi mẹ chị chết do cha xây nhà thiếu tiền, kêu bán đất nên các anh chị em kêu chị đứng ra mua và chị đã mua với giá 50.000.000 đồng, khi làm giấy tờ do sợ đóng thuế nên trong hồ sơ để cha tặng cho con. Khi mua bán và làm giấy tờ tất cả các anh chị em đều biết và cùng ký tên trong đó anh Th anh Nhàn, riêng chị Huệ không biết chữ nên có đánh dấu thập.

Sau khi mua, bà đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đất số CH 00112 diện tích 81,2m^2, thửa 51, tờ bản đồ 01 do UBND thị xã Tây Ninh cấp ngày 28-7-2010, có chiều ngang mặt tiền là 4,62m, chiều ngang mặt hậu là 05m. Giấy chứng nhận QSDĐ hiện chị thế chấp Ngân hàng Sacombank Tây Ninh vay 170.000.000 đồng nhưng đã trả xong.

Anh Th cho rằng trên phần đất bà đứng tên, anh Th có xây hàng rào và đổ đất nâng nền trị giá 5 lượng vàng 24 kr là không có mà do cha bà xây, vì lúc này anh Th theo quê vợ không có sống ở đây.

Hiện tại anh Th yêu cầu chia di sản thừa kế phần nhà đất bà đứng tên cho anh 01 phần và cho các đồng thừa kế khác bà không đồng ý. Bà không có tranh chấp, không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần nhà đất bà Cúc quản lý, thống nhất cho bà Cúc. Bà không đồng ý việc anh Th yêu cầu tuyên vô hiệu đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 và Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16-7-2014.

Đối với tiền chi phí đám tang bà tự lo cho cha khoảng 70.000.000 đồng, tiền phúng điếu được mười mấy triệu nên bà không yêu cầu anh em phải trả lại.

*Đối với bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:*Về Cha mẹ anh em đúng như chị Đ đã khai. Về nguồn gốc nhà đất tranh chấp là của cha mẹ bà, trên đất có căn nhà gỗ và nhà tường do cha mẹ làm sẵn, anh em không có ai bỏ tiền xây cả. Phần đất có nhà gỗ khi cha xây nhà thiếu tiền nên bán cho bà Đào với giá 50.000.000 đồng. Khi mua bán và làm giấy tờ tất cả các anh chị em đều biết và cùng ký tên. Khi cha mẹ còn sống bà là người trực tiếp ở và chăm sóc cha mẹ cho đến lúc chết nên sau khi mẹ chết, cha bà mới làm thủ tục tặng cho phần đất có nhà tường mà bà đang quản lý hiện giờ. Khi cho là có họp mặt tất cả 08 anh em trong gia đình nhưng không có làm giấy tờ gì.

Bà đăng ký và được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 670888, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00773, diện tích đất 85,80m^2, thửa số 44, tờ bản đồ số 01 do UBND thành phố T cấp ngày 14-8-2014. Giấy chứng nhận QSDĐ bà thế chấp Quỹ tín dụng thành phố T vay 120.000.000 đồng đã trả xong.

Anh Th cho rằng trên phần đất bà Đào đứng tên, anh Th có xây hàng rào và đổ đất nâng nền trị giá 5 lượng vàng 24 kr là không có mà do cha mẹ xây khoảng năm 1990, anh em bà không có ai bỏ tiền xây cả.

Hiện tại anh Th yêu cầu chia di sản thừa kế phần nhà đất mà bà và bà Đào quản lý cho anh và cho các thừa kế khác mỗi người 01 phần bà không đồng ý. Bà không có tranh chấp, không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà đất bà Đào quản lý, thống nhất cho bà Đào.

Anh Th yêu cầu tuyên vô hiệu đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 và Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16-7-2014 bà không đồng ý.

Đối với tiền chi phí đám tang bà Đào lo cho cha xong, bà Đào không yêu cầu anh em phải trả lại nên bà không có ý kiến gì.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:*Về cha mẹ anh em, nguồn gốc nhà đất đúng như anh Th đã khai. Cha mẹ chị không có người con riêng hay con nuôi nào khác. Cha mẹ chết không để lại di chúc và cũng không có chia tài sản cho ai.

Đối với phần nhà đất bà Đào đăng ký, khi cha xây nhà thiếu tiền nên kêu bán cho bà Đào với giá 50.000.000 đồng. Khi đó, bà Đào có kêu tất cả anh em về nhưng có người về, người không (những người không có mặt là Huệ, Thanh, Nhàn). Bà Đào có nói mua đất nhưng sau này vẫn để cho các anh em ở nên bà cũng đồng ý ký tên mà không có ý kiến gì. Riêng phần đất bà Cúc nói cha cho bà Cúc nhưng anh em không ai biết. Do bà Đào, bà Cúc không cho anhThanh, Nhàn, Huệ ở trên đất nên anh Th khởi kiện.

Quá trình lấy lời khai bà trình bày không tranh chấp hay yêu cầu bà Đào chia cho bà và cũng không tranh chấp, không yêu cầu chia phần 06m x dài 30 có nhà

tường vì là nhà thờ do cha và bà Cúc đang ở. Nay bà thay đổi, yêu cầu được hưởng 01 phần theo quy định của pháp luật trị giá bằng tiền.

Đối với số vàng 05 lượng 24 kr anh Th yêu cầu anh em ai hưởng thừa kế thì có trách nhiệm trả lại cho anh trị giá bằng tiền bà cũng đồng ý.

Bà Anh xác định có ký tên trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 do phòng công chứng số 1 Tây Ninh chứng thực. Riêng Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16-7-2014 do Văn phòng công chứng Tây Ninh chứng thực bà không biết và cũng không có ký tên nên bà yêu cầu tuyên vô hiệu các hợp đồng trên.

Đối với tiền chi phí đám tang cho cha, bà Đào không yêu cầu anh em phải trả lại nên bà không có ý kiến gì.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:*Về cha mẹ anh em, nguồn gốc nhà đất đúng như anh Th đã khai.

Đối với phần nhà đất bà Đào đăng ký, thời điểm cha mẹ còn sống, chị đi bán vé số, bà Đào đi tìm và chở về nhà kêu ký tên để làm lại giấy đất. Do không biết chữ nên bà Đào kêu đánh dấu thập vào giấy tờ do bà Đào đưa và cũng không có lăn tay gì cả. Cha mẹ chị không có bán đất cho bà Đào vì đất không phải giá trị 50.000.000 đồng.

Hiện tại anh Th yêu cầu chia di sản thửa kế phần là nhà đất mà bà Đào, bà Cúc quản lý cho anh 01 phần, do không có chỗ ở nên chị cũng yêu cầu bà Đào, bà Cúc chia 01 phần trị giá bằng tiền để chị ổn định cuộc sống.

Đối với số vàng 05 lượng 24 kr anh Th yêu cầu anh em ai hưởng thừa kế thì có trách nhiệm trả lại cho anh trị giá bằng tiền chị cũng đồng ý.

Chị Huệ xác định chị có lăn tay trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 giữa cha chị với chị Đ. Riêng Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16-7-2014 giữa cha chị với chị C chị không biết và cũng không có lăn tay, chị cũng không có ghi họ tên vì không biết chữ nên thống nhất ý kiến anh Th yêu cầu tuyên vô hiệu hai văn bản này.

Đối với tiền chi phí đám tang cho cha, bà Đào không yêu cầu anh em phải trả lại nên chị không có ý kiến gì.

Anh Nguyễn Ngọc Nh trình bày: Thông nhất ý kiến của anh Th và chị Huệ, anh cũng yêu cầu chị Đ, chị C chia cho anh 01 phần tài sản trị giá bằng tiền để anh ổn định cuộc sống.

Về việc ký giấy bán đất, thời điểm đó anh đi làm Garage xe ở Thanh Thuận, Thanh Điền thì ông Dũng chạy xe ra garage chở anh về nói để làm lại giấy tờ đất mới và kêu anh về ký tên vào buổi tối, anh không biết nội dung trên giấy tờ đã ký, sau này bà Đào nói ký giấy bán đất cho bà 50.000.000 đồng khi cha xây nhà. Trước đó, nếu chị Đ nói rõ ký giấy bán đất thì anh không ký vì đất của cha anh không phải giá trị 50.000.000 đồng như chị Đ đã nói.

Đối với số vàng 05 lượng 24 kr anh Th yêu cầu anh em ai hưởng thừa kế thì có trách nhiệm trả lại cho anh trị giá bằng tiền anh cũng đồng ý.

Anh xác định chữ ký Nhàn và họ tên Nguyễn Ngọc Nh trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 giữa cha anh với chị Đ do phòng công chứng số 1 Tây Ninh chứng thực anh không có ký tên cũng như không ghi họ tên trong hợp đồng; chữ ký Nhàn và họ tên Nguyễn Ngọc Nh trong Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16-7-2014 giữa cha anh với chị C do văn phòng công chứng Tây Ninh lập không phải chữ ký và chữ viết của anh. Do đó, anh cũng yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trên đồng thời yêu cầu tuyên vô hiệu 02 Văn bản này.

Đối với tiền chi phí đám tang cho cha, bà Đào không yêu cầu anh em phải trả lại nên anh không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D trình bày: Thông nhất ý kiến của bà Cúc và bà Đào. Đối với phần đất bà Đào đứng tên, cha ông đã bán cho bà Đào 50.000.000 đồng khi xây nhà thiếu tiền. Còn phần đất bà Cúc đang quản lý và đứng tên quyền sử dụng đất là cha ông đã cho bà Cúc. Do thời gian đã lâu nên không nhớ và cũng không biết anh em có ai ký tên không. Riêng căn nhà tường trên đất bà Cúc ở do cha bỏ tiền xây để làm nhà thờ, anh em không có ai phụ tiền gì cả.

Hiện tại anh Th yêu cầu chia di sản thừa kế là phần nhà đất do bà Cúc bà Đào quản lý cho anh Th 01 phần các anh không đồng ý. Vì nhà đất này, bà Cúc không có gia đình, ở chung nuôi cha nên cha đã cho bà Cúc để làm nhà thờ, còn phần bà Đào là do bà Đào mua. Do đó, các anh không có tranh chấp, không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bà Cúc cũng như không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bà Đào, vì đất cha đã bán cho bà Đào rồi, thống nhất giao cho bà Đào, bà Cúc.

Phòng công chứng số 01 Tây Ninh vắng mặt nhưng có văn bản trình bày như sau: Đối với văn bản công chứng ngày 31-3-2010 thiếu tên ông Nguyễn Ngọc Th và ông Thanh không ký tên, còn ông Nhàn cho rằng chữ ký và chữ viết họ tên trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không phải của ông, thời điểm này do Công chứng viên Trần Thị Kim Đông là người trực tiếp thực hiện. Theo hồ sơ lưu trữ tại Phòng công chứng thì ông Nguyễn Văn D có ký tên trong hợp đồng. Nếu nhận thấy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 vô hiệu thì Tòa án tuyên vô hiệu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Tr vắng mặt nhưng ngày 16-5-2022 có văn bản trình bày như sau: Ngày 16-7-2014, ông Trần Duy Linh là công chứng viên Văn phòng công chứng Tây Ninh (Nay là Văn phòng công chứng Tr) có tiếp nhận hồ sơ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do 05 người yêu cầu công chứng là cụ Nguyễn Văn Sữu, bà Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Ngọc Nh và Nguyễn Thị Kim H, còn Nguyễn Văn Sĩ (chết ngày 02-5-2004, không có vợ con). Hồ sơ có xác nhận của UBND phường 2 ngày 28-10-2011 là cụ Sữu và cụ Nguyễn Thị Rớt có 05 người con nêu trên. Cụ Sữu đồng ý tặng cho bà Nguyễn Thị Kim C ½ diện tích là 85,8 m^2, thửa số 44, tờ bản đố số 01 theo giấy chứng nhận QSDĐ số AA 002812, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00479

QSDĐ/107/QĐ-UB do UBND thị xã Tây Ninh cấp ngày 30-9-2004. Khi công chứng đã kiểm tra bản chính giấy CMND, hộ khẩu của 05 người, bản chính giấy chứng nhận QSDĐ, giấy chứng tử, xác nhận hàng thừa kế và có cam kết của 05 người. Văn phòng công chứng đã phát Thông báo số 104/XM-CCTN ngày 27-6-2014 và niêm yết tại UBND phường 2 đến ngày 14-7-2014 được UBND phường ký xác nhận không có khiếu nại tố cáo và từ ngày 27-6-2014 đến ngày 16-7-2014 Văn phòng công chứng cũng không nhận đơn thư khiếu nại tố cáo nào.

Văn phòng công chứng đã thực hiện đầy đủ quy trình thủ tục hồ sơ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Khi công chứng đã kiểm tra chứng minh nhân dân, nhận diện khuôn mặt, chữ viết và dấu vân tay chị Huệ rất rõ ràng. Việc anh Th , anh Nhàn, chị Huệ cho rằng không phải chữ ký và dấu vân tay của họ, có yêu cầu giám định nên do Tòa án xem xét. Văn phòng công chứng không đồng ý tuyên văn bản công chứng trên vô hiệu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 633, 634, 635, 676 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 124, khoản 1 Điều 129, các Điều 623, 649, 650, 651, 655, 656, 659 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc Th: Tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 và Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16-7-2014 vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu "Tranh chấp về thừa kế tài sản" của anh Nguyễn Ngọc Th đối với bà Nguyễn Thị Kim Đ.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu "Tranh chấp về thừa kế tài sản" của anh Nguyễn Ngọc Th đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

Bà Nguyễn Thị Kim C được sở hữu phần đất diện tích 85,8m^2 (diện tích thực tế 84,6m^2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 670888, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00773 do UBND thành phố T cấp ngày 14-8-2014. Nhà đất tọa lạc tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

Đông giáp đất của bà Đào quản lý thửa 51 dài 17,07m.

Tây giáp mương dài 9,25m 6,06m + 0,45m là 15,76 m.

Nam giáp tờ bản đồ số 04 dài 5,80 m.

Bắc giáp đường bê tông dài 3,95m.

Bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị tài sản thừa kế nhà đất cho anh Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Ngọc Nh, bà Nguyễn Thị Kim A, chị Nguyễn Thị Kim H mỗi người là 38.138.200 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu người hưởng di sản thanh toán lại số vàng anh Th bỏ ra chi phí xây hàng rào trị giá 275.000.000 đồng.

4. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim Đ nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà Nguyễn Thị Kim C được hưởng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Nội dung kháng cáo: Theo đơn kháng cáo đề ngày 11 tháng 7 năm 2022 anh Nguyễn Ngọc Th đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh: Sửa bản án sơ thẩm, đưa tài sản bà Cúc, bà Đào chia đều cho các đồng thừa kế mỗi người 01 phần. Yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán lại số tiền đã bỏ ra xây dựng hàng rào.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Ngọc Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010. Theo các đương sự trình bày sau khi mẹ chết, cha xây nhà thiếu tiền nên kêu bán đất trong anh chị em, nhưng không ai mua, cuối cùng bà Đào đứng ra mua với giá 50.000.000 đồng, khi lập hợp đồng nhằm trốn thuế nên lập hợp động tặng cho. Khi ký kết hợp đồng tặng cho thiếu chử ký của các đồng thừa kế (anh Th, chị Huệ), trong khi tài sản tặng cho là tài sản chung của cụ Rớt và cụ Sữu. Do đó hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 là vô hiệu.

Xét văn bản phân chia thừa kế ngày 16-7-2014 do cụ Sữu lập, có công chứng. Tuy nhiên qua kết luận giám định chữ ký trên văn bản không có chữ ký của bà Anh, ông Dũng, ông Hùng, bà Đào, ông Thanh, ông Nhàn. Do đó văn bản phân chia thừa kế này là vô hiệu.

Việc xác định di sản: cấp sơ thẩm xác định phần đất bà Đào được cấp giấy không còn là di sản, chỉ đúng một phần bởi vì tài sản chung của cụ Rớt và cụ Sữu là 167 m^2 (đo thực tế là 161,6 m^2), mỗi phần là 80,8 m^2; phần của cụ Rớt được chia 09 phần, mỗi phần là 9 m^2. Vì vậy phần của cụ Sữu được quyền là 89,8 m^2. Khi tặng cho bà Đào 77 m^2, phần còn lại là 12,8 m^2. Phần đất thừa kế cho bà Cúc 85,8

m^2, trong đó phần của cụ Sữu chỉ có 12,8 m^2. Cấp sơ thẩm xác định phần đất bà Cúc đứng giấy là tài sản chung của cụ Sữu, cụ Rớt để chia thừa kế là không chính xác.

Về tài sản trên đất, có 02 ngôi nhà: Qua thực tế ngôi nhà cây không còn giá trị sử dụng, nên không xem là di sản; còn ngôi nhà cấp 4 là di sản để phân chia là phù hợp.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm và phân chia lại di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm ngày 27-6-2022 đến ngày 11-7-2022 anh Nguyễn Ngọc Th có đơn kháng cáo và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Xét thấy việc kháng cáo anh Th là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc Th:

Các đương sự thống nhất cụ Nguyễn Văn Sữu chết ngày 31-01-2021 và cụ Nguyễn Thị Rớt chết ngày 20-11-2009. Cụ Sữu và cụ Rớt có tất cả 11 người con là Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Sĩ (chết ngày 02-5-2004 không có vợ con), Nguyễn Thị Kim Đ, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Mười Một (chết lúc 03 tháng tuổi) và Nguyễn Thị Mười Hai (chết lúc 01 tháng tuổi), chưa có khai sinh. Ngoài ra, cha mẹ anh không có người con riêng hay con nuôi nào khác. Do đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ Rớt, cụ Sửu gồm: Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Kim Đ, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Thị Kim H.

Ông Thanh cho rằng tài sản của cụ Sửu và cụ Rớt để lại gồm 02 phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đào, bà Cúc cụ thể theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH MTV Đo đạc Bản đồ Bình An đo đạc ngày 11-5-2021 như sau: Phần đất bà Nguyễn Thị Kim Đ đang quản lý có diện tích thực tế 77 m^2, thửa số 51, tờ bản đồ số 01; Phần đất bà Nguyễn Thị Kim C đang quản lý có diện tích thực tế 84,6 m^2, thửa số 44, tờ bản đồ số 01. Ông yêu cầu chia toàn bộ diện tích đất trên cho 08 người con, mỗi người 01 phần.

Bà Đào cho rằng phần nhà đất anh Th yêu cầu chia thừa kế bà đã mua của cụ Sữu giá 50.000.000 đồng nhưng được cụ Sữu và các anh chị em ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 do Phòng công chứng số 1 Tây Ninh chứng thực; còn bà Cúc cho rằng phần nhà đất bà đang quản lý anh Th yêu cầu chia thừa kế bà đã được cụ Sữu tặng cho theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16-7-2014 do văn phòng công chứng Tây Ninh chứng thực.

Căn cứ kết luận giám định số 1255/KL- KTHS ngày 30-9-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh có cơ sở xác định Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 do phòng công chứng số 1 Tây Ninh chứng thực và Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16-7-2014 do Văn phòng công chứng Tây Ninh (nay là Văn phòng công chứng Tr) chứng thực vô hiệu.

Tuy nhiên đối với phần diện tích đất bà Đào đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Sữu đã chuyển nhượng cho bà Đào để lấy tiền xây nhà, thời điểm xây nhà cụ Rớt vẫn còn sống, mặc dù chuyển nhượng khi cụ Rớt đã chết. Việc chuyển nhượng này phục vụ cho việc xây nhà nhu cầu thiết yếu và đây cũng là phần di sản được xem xét phân chia theo pháp luật cho các đương sự. Tại thời điểm cụ Sữu chuyển nhượng đất cho bà Đào, các đồng thừa kế biết, không có ý kiến hay phản ứng gì, đến sau khi cụ Sữu chết mới phát sinh tranh chấp. Do đó phần đất bà Đào nhận chuyển nhượng không còn là di sản thừa kế, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế đối phần phần diện tích đất này là phù hợp với nội dung án lệ số 16/2017/AL.

Đối với phần tài sản bà Cúc đang đứng tên quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ Sữu và cụ Rớt. Do đó được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế, di sản thừa kế, chia thừa kế là đúng quy định của pháp luật.

Anh Th kháng cáo nhưng không xuất trình thêm chứng cứ khác, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Th.

Không có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Ngọc Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 633, 634, 635, 676 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 124, khoản 1 Điều 129, các Điều 623, 649, 650, 651, 655, 656, 659 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc Th: Tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31-3-2010 và Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 16-7-2014 vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu "Tranh chấp về thừa kế tài sản" của anh Nguyễn Ngọc Th đối với bà Nguyễn Thị Kim Đ.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu "Tranh chấp về thừa kế tài sản" của anh Nguyễn Ngọc Th đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

Bà Nguyễn Thị Kim C được sở hữu phần đất diện tích 85,8m^2 (diện tích thực tế 84,6m^2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 670888, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00773 do UBND thành phố T cấp ngày 14-8-2014. Nhà đất tọa lạc tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận:

Đông giáp đất của bà Đào quản lý thửa 51 dài 17,07m.

Tây giáp mương dài 9,25m 6,06m + 0,45m là 15,76 m.

Nam giáp tờ bản đồ số 04 dài 5,80 m.

Bắc giáp đường bê tông dài 3,95m.

Bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị tài sản thừa kế nhà đất cho anh Nguyễn Ngọc Th, anh Nguyễn Ngọc Nh, bà Nguyễn Thị Kim A, chị Nguyễn Thị Kim H mỗi người là 38.138.200 đồng (ba mươi tám triệu một trăm ba mươi tám ngàn hai trăm đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu người hưởng di sản thanh toán lại số vàng anh Th bỏ ra chi phí xây hàng rào trị giá 275.000.000 đồng.

4. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim Đ nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà Nguyễn Thị Kim C được hưởng.

5. Về chi phí đo đạc, định giá: Anh Th tạm ứng 15.000.000 đồng. Anh Nhàn, bà Cúc, chị Huệ, bà Anh mỗi người trả lại anh Th 3.000.000 đồng.

6. Về chị phí giám định: Anh Th tự nguyện chịu 5.000.000 đồng.

7. Về án phí sơ thẩm dân sự: Anh Nguyễn Ngọc Th phải chịu 1.906.910 đồng (làm tròn 1.907.000 đồng) án phí sơ thẩm dân sự, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.220.000 đồng theo Biên lai thu số 0000936 ngày 01 tháng 12 năm 2020; 6.785.000 đồng theo Biên lai thu số 0001131 ngày 19 tháng 01 năm 2021 và 6.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0001217 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, được hoàn trả lại 13.348.000 đồng (mười ba triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn đồng)

Anh Nguyễn Ngọc Nh, bà Nguyễn Thị Kim A, chị Nguyễn Thị Kim H mỗi người phải chịu 1.906.910 đồng làm tròn 1.907.000 đồng (một triệu chín trăm lẽ bảy ngàn đồng) án phí sơ thẩm dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí đối với phần thừa kế bà Cúc được hưởng. Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí đối với kỷ phần thừa kế bà Đào, ông Hùng, ông Dũng giao lại là 5.720.730 đồng.;

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Ngọc Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0001151 ngày 11-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND.TTN;
- TAND. TP TN;
- Chi cục THADS. TP TN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Diệp